

**QUỐC HỘI**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /2019/NQ-QH14

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

## **NGHỊ QUYẾT**

**VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HỖ TRỢ, PHÁT TRIỂN  
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**QUỐC HỘI**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;*

*Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội năm 2014;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;*

*Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2012/QH13 và Luật số 71/2014/QH13;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số /BC-UBTCNS14 ngày tháng năm 2019 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách; ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội và Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý số /BC-UBTVQH14 ngày tháng năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị quyết về một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi quy định tại Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết này.

### **Điều 2. Áp dụng một số chính sách về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau**

1. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ hộ, cá nhân kinh doanh.

Sau thời gian miễn thuế theo quy định tại khoản này, trường hợp doanh nghiệp mới thành lập từ hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện dự án đầu tư thuộc ngành nghề, địa bàn ưu đãi thuế thì tiếp tục được hưởng mức ưu đãi (thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế) tương ứng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hết thời gian miễn thuế và thời gian hưởng ưu đãi thuế (nếu có), doanh nghiệp thực hiện mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm dưới 03 (ba) tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 (mười) người.

3. Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ 03 (ba) tỷ đồng đến dưới 50 (năm mươi) tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 (một trăm) người.

4. Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 15% và 17% quy định tại Điều này là tổng doanh thu của năm trước liền kề.

5. Quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (trừ nhà ở xã hội quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp), thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam;

- Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí, tài nguyên quý hiếm khác và thu nhập từ hoạt động khai thác khoáng sản;

- Thu nhập từ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

- Công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

### **Điều 3. Phương pháp tính thuế đối với doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới 03 (ba) tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 (mười) người**

1. Doanh nghiệp quy định tại Điều này phải thực hiện hạch toán doanh thu, chi phí và khai, nộp thuế theo phương pháp xác định thu nhập.

2. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại Điều này xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như sau:

a) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,4%.

b) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,2%.

c) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%. Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp 4%.

d) Hoạt động khác: 0,8%.

3. Doanh thu làm căn cứ xác định đối tượng nộp thuế theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu quy định tại Điều này là tổng doanh thu của năm trước liền kề và được áp dụng ổn định cho mỗi giai đoạn ba năm, kể từ năm áp dụng.

4. Các trường hợp nộp thuế theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu quy định tại Điều này không phải quyết toán thuế khi giải thể, phá sản.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.
2. Chính phủ quy định cụ thể việc xác định doanh thu làm căn cứ áp dụng các chính sách quy định tại khoản 4 Điều 2, khoản 3 Điều 3, về công ty có quan hệ liên kết quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này và các nội dung cần thiết khác để đảm bảo yêu cầu thực hiện, quản lý.

*Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ .... thông qua ngày .... tháng ..... năm 2019.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Nguyễn Thị Kim Ngân**